

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

Bản án số: 27/2021/DS-ST

Ngày: 20/9/2021

*“V/v tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án
theo quy định của pháp luật về thi
hành án dân sự”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Tơ L.
2. Ông Đỗ Trí Th.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị H, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch S,
tỉnh G L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên
tòa:*** Bà Đậu Thị Thanh X, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Đức H (tên gọi khác: Lê Đức H), sinh năm 1968

Địa chỉ: đường Phan Đình Giót, tổ dân phố 02, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Hồng Th, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt không có lý do.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

-Anh Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L. Có mặt.

- Văn phòng Công chứng Dương Thanh H.
Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Thanh H, chức vụ Trưởng Văn Phòng.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số 728 Hùng Vương, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.
-Ngân hàng TMCP SGTT.
Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố HCM.
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Sử Duy H, Trưởng phòng giao dịch CS. Có mặt. (Theo giấy ủy quyền số: 36A/GUQ-CNGL ngày 18/8/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức H trình bày:

Thi hành bản án số 19a/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L và Quyết định thi hành án số 25/QĐ-CCTHA ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L thì chị Ngô Thị Hồng Th phải thi hành khoản tiền trả nợ cho ông là 59.108.086đ (Năm mươi chín triệu một trăm lẻ tám nghìn không trăm tám mươi sáu đồng) cùng lãi suất chậm thi hành án.

Quá trình giải quyết thi hành án qua xác minh được biết, chị Ngô Thị Hồng Th có tài sản chung cùng anh Nguyễn Văn Qu là Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th. Ngày 12/11/2020 chị Th làm thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giao toàn bộ tài sản trên cho anh Nguyễn Văn Qu và đã được chỉnh lý trang 4 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn Qu nhằm tẩu tán tài sản trốn nghĩa vụ thi hành án. Để đảm bảo quyền lợi cho ông, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H đối với Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G L cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th vô hiệu.

Đối với bị đơn chị Ngô Thị Hồng Th:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ, đúng pháp luật các văn bản tố tụng (trong đó có cả điện thoại gặp

trực tiếp) nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị Th tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại bản tự khai, phiên họp và tại phiên tòa: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Qu trình bày:

Trước đây anh là chồng của chị Ngô Thị Hồng Th, do mâu thuẫn gia đình nên anh chị đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện CS. Sau đó, anh và chị Th thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn theo Văn bản số 2142, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H đối với Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th. Theo thỏa thuận này anh được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với toàn bộ tài sản trên. Khoản tiền chị Th vay của ông H anh không biết, nên chị Th có trách nhiệm trả. Anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S trình bày:

Anh Nguyễn Văn Qu có thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT – Chi nhánh GL – Phòng giao dịch CS tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th. Ngày 12/11/2020 chị Th làm thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giao toàn bộ tài sản trên cho anh Nguyễn Văn Qu và đã được chỉnh lý trang 4 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn Qu để bảo đảm khoản vay là 50.000.000đ. Việc cho vay và ký kết hợp đồng thế chấp theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, hồ sơ vay và hồ sơ tài sản bảo đảm của anh Nguyễn Văn Qu tại ngân hàng không liên quan đến chị Ngô Thị Hồng Th. Khi Tòa án tiến hành giải quyết về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” đối với tài sản trên sẽ ảnh hưởng đến quyền của anh Q, đồng thời tiềm ẩn rủi ro nợ xấu hoặc mất vốn của ngân hàng. Vì vậy, khi giải quyết đề nghị tòa án bảo đảm quyền lợi của ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, tại phiên họp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh H, trưởng Văn phòng công chứng Dương Thanh H trình bày: Qua

kiểm tra hồ sơ thấy các bên đủ điều kiện về thủ tục hồ sơ phân chia tài sản sau ly hôn, nên Văn phòng đã thực hiện công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Việc các bên làm thỏa thuận phân chia tài sản nhằm mục đích tẩu tán tài sản hay không thì Văn phòng công chứng không biết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện CS phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Việc chấp hành pháp luật của các đương sự : Đối với Nguyên đơn là ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP SGTG chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật ; Đối với bị đơn chị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Q không thực hiện đúng theo Giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác giải quyết án của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị tòa án áp dụng khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 và 407 Bộ luật dân sự, khoản 1 điều 6 thông tư số 14/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H vô hiệu. Tuy nhiên khi xử lý tài sản phải ưu tiên và đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngày 09/12/2020, nguyên đơn ông Lê Đức H nộp đơn khởi kiện về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định, bị đơn có nơi cư trú tại thôn 3, xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L. Căn cứ các quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Th: Theo các hợp đồng được ký kết giữa các bên và qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết chị Ngô Thị Hồng Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và đã sinh sống tại thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L, nhưng hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được thời điểm trở về (bút lục số 45).

Như vậy, ông H đã ghi đầy đủ cụ thể và đúng địa chỉ của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ đúng pháp luật các văn bản tố tụng cho anh Q và chị Th, nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do, còn anh Q lúc có, lúc không. Như vậy, chị Th thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú; không thông báo địa chỉ mới cho Nguyên đơn, cho Tòa án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để chị Th đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng chị Th tiếp tục vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị Th không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Dương Thanh H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Tại bản án số 19a/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CS thì chị Ngô Thị Hồng Th có nghĩa vụ phải trả cho ông Lê Đức H số tiền 59.108.086đ và tiền lãi chậm thi hành án.

Ngày 03/11/2020 ông H có đơn yêu cầu thi hành án gửi đến Chi cục thi hành án dân sự huyện CS ngày 12/11/2020. Ông H đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện CS xác minh điều kiện thi hành án của chị Th theo quy định.

Ngày 16/11/2020 Chi cục thi hành án dân sự huyện CS ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 25/QĐ-CCTHADS.

Quá trình giải quyết thi hành án xác minh được biết, chị Ngô Thị Hồng Th có tài sản duy nhất là tài sản chung cùng anh Nguyễn Văn Qu gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th. Ngày 12/11/2020 chị Th làm thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giao toàn bộ tài sản trên cho anh Nguyễn Văn Qu và đã được chỉnh lý trang 4 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Văn Qu. Hiện nay anh Q đã thế chấp tài sản trên Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, Chi nhánh GL, Phòng giao dịch CS để vay vốn.

Cho rằng có điều kiện để thi hành án nhưng chị Th không tự nguyện thi hành, có hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Chi cục Thi hành án

dân sự huyện tiến hành xác minh, xử lý tài sản của chị Th, nhưng chị Th đã làm thủ tục phân chia cho chồng cũ của chị là anh Nguyễn Văn Qu. Do đó, Chi cục ra thông báo số 1255/TB-THA ngày 04/12/2020 về việc Thông báo cho ông Lê Đức H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu. Trong thời hạn thông báo ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H đối với Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th vô hiệu.

Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì: *“Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó...”*.

Theo Điều 52 Luật công chứng thì: *“Công chứng viên, người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu khi có căn cứ cho rằng việc công chứng có vi phạm pháp luật”*.

Do đó, ông Lê Đức H có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn vô hiệu .

Yêu cầu trên là “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” được quy định tại khoản 12 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CS theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2.2]Xét Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th thấy: Ngày 12/11/2020 chị Th đã làm Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn giao cho anh Q được toàn quyền sử dụng, định đoạt: Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th.

Đây là tài sản hợp pháp của anh Q và chị Th. Tuy nhiên, Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn này được xác lập sau ngày Bản án số 19a/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CS có hiệu lực pháp luật. Kể từ thời

điểm làm Văn bản thỏa thuận này, chị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H theo bản án có hiệu lực. Khi có quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 25/QĐ-CCTHADS ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CS, chị Th cũng không thực hiện nghĩa vụ thi hành án và cũng không cung cấp được việc chị còn tài sản khác để đảm bảo khả năng thi hành án của chị. Qua xác minh giải quyết việc thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện CS thì ngoài tài sản trên chị Th không còn tài sản nào khác (bút lục số 107,109,110).

Tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 14/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định: *“Kể từ thời điểm có Bản án, Quyết định sơ thẩm mà người phải thi hành án bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án...”*

Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự cũng quy định *“Kể từ thời điểm có Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án, chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...”*.

Trong quá trình thụ lý yêu cầu của ông H, Tòa án cũng đã ra quyết định số 01/2021/QĐ-CC TLCC ngày 08/01/2021 về việc yêu cầu cung cấp Tài liệu, chứng cứ, yêu cầu chị Th cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng trả nợ của chị cho ông H nhưng chị Th không cung cấp.

Như vậy mặc dù Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn nêu trên giữa chị Th và anh Q tuân thủ các quy định về hình thức của hợp đồng phân chia tài sản sau ly hôn nhưng mục đích, nội dung hợp đồng trái với các quy định của Luật thi hành án dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thi hành án dân sự, vi phạm điểm c khoản 1 điều 117 Bộ luật dân sự nên bị vô hiệu theo quy định tại các điều 122, 123 và 407 Bộ luật dân sự. Việc ông Lê Đức H yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn trên vô hiệu là hoàn toàn có căn cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của của ông H, tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H đối với Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th vô hiệu. Tài sản trên vẫn thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh Q và chị Th.

Hiện tài sản trên đã được anh Nguyễn Văn Qu thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT, Chi nhánh GL, Phòng giao dịch CS để bảo đảm khoản vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Trong trường hợp anh Q vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Trường hợp Chấp hành viên tiến hành xử lý tài sản trên để thi hành án thì cần phải đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT là người thứ ba ngay tình theo quy định tại điều 133 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 91, Điều 95, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 và Điều 407 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 5, Điều 52 Luật công chứng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Đức H (tên gọi khác Lê Đức H).

Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H đối với Quyền sử dụng đất có diện tích 234,5 m², trong đó đất ở 100 m² đất trồng cây lâu năm là 134,5 m², thửa đất số 594, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Thôn 3 (nay là thôn Mỹ Phú), xã Ia BL, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 878795 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh GL cấp ngày 06/11/2017 mang tên anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 2142, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Dương Thanh H không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tài sản nêu trên vẫn thuộc quyền sử dụng (đối với đất) và sở hữu (đối với tài sản trên đất) của anh Nguyễn Văn Qu và chị Ngô Thị Hồng Th.

Khi tiến hành xử lý tài sản nêu trên trong quá trình thi hành án, Chấp hành viên phải đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

2. Về án phí:

Buộc chị Ngô Thị Hồng Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Đức H số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà ông đã nộp trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011145 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh GL để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2021); bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VK SND huyện CS;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CS;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Đình Hiếu